TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HN-ST
Ngày: 18/3/2024
V/v: *"Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ – TP. CẦN THƠ

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Trung Hậu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Xuân Hiền
2. Bà Nguyễn Thị Huệ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Giai Thoại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024, về việc "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị S, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Số A, ấp T, thị trấn C, huyện C, TP ..
Bị đơn: Ông Huỳnh Phú T, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Số A, ấp T, thị trấn C, huyện C, TP ..
Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phần trình bày của nguyên đơn bà Phạn Thị S1 *theo đơn khởi kiện, bản tự khai như sau:*

Bà và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/9/2011. Quá trình sống có hai người con chung tên Huỳnh Phan Hữu N (nam), sinh ngày 20/10/2012 và Huỳnh Phan Hữu N1 (nam), sinh ngày 25/9/2016.

Ban đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau xảy ra mâu thuẫn. Đời sống hôn nhân của hai vợ chồng bị khủng hoảng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính

tình không hợp nhau, thường xuyên cự cải từ đó bất đồng về quan điểm sống, về cách sống, vợ chồng không còn chia sẻ, đồng cảm nhau nên đã không còn sống chung với nhau. Nay, cảm thấy không còn chung sống được với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có hai người con chung như đã trình bày. Hiện tại con chung Huỳnh Phan Hữu N1 đang ở cùng bà, bà trực tiếp nuôi dưỡng nên bà xin giành quyền tiếp tục nuôi con. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Huỳnh Phan Hữu N đang sống cùng ông T nên bà đồng ý giao cho ông T nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía ông Huỳnh Phú T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông không đến Tòa tại phiên xét xử, bà Phan Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai, vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị S và ông Huỳnh Phú T có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân hợp pháp thuộc ngành luật Hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Huỳnh Phú T có địa chỉ cư trú tại số A, ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Huỳnh Phú T vắng mặt không rõ lý do, nguyên đơn bà Phan Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Phan Thị S, nhận thấy nguyên nhân mâu thuẫn do bà S, ông T tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cải từ đó bất đồng về quan điểm sống, về cách sống, vợ chồng không còn chia sẻ, đồng cảm nhau nên đã không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương quan tâm và chăm sóc các thành viên trong gia đình. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà S, ông T đã trầm trọng không thể vận động đoàn tụ do ông bà không còn sự yêu thương, tin tưởng nhau trong cuộc sống nên bà S yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn bà S xin giành quyền trực tiếp nuôi con chung Huỳnh Phan Hữu N1 (nam), sinh ngày 25/9/2016. Xét thấy, hiện tại cháu N1 đang sinh sống cùng bà S, việc ăn học của cháu cũng do trực tiếp bà S chăm lo. Hơn nữa, theo bản tự khai của cháu N1 có nguyện vọng sinh sống cùng mẹ là bà S. Hội đồng xét xử xét thấy tiếp tục giao cháu N1 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà S

không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của bà nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cháu Huỳnh Phan Hữu N (nam), sinh ngày 20/10/2012 bà đồng ý giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai của cháu N có nguyện vọng sống cùng cha là ông T nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu N cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Do bị đơn ông T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông về quyền yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử tách việc yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng của ông T đối với bà S thành vụ án khác khi ông T có yêu cầu.

Nguyên đơn bà S và bị đơn ông T được quyền thăm nom, giáo dục con chung và không ai được quyền cản trở các bên đương sự thực hiện quyền này.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định hiện tại không có nên không yêu cầu giải quyết. Để đảm bảo quyền lợi cho các bên nên không xem xét giải quyết. Tách phần tài sản chung và nợ chung ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị S đối với bị đơn ông Huỳnh Phú T.

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Phan Thị S được ly hôn với ông Huỳnh Phú T.

Về con chung: Giao con chung Huỳnh Phan Hữu N1 (nam), sinh ngày 25/9/2016 cho bà Phan Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Huỳnh Phan Hữu N (nam), sinh ngày 20/10/2012 cho ông Huỳnh Phú T trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự không yêu cầu.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà S, ông T không ai được quyền ngăn cản ông, bà thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phan Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp theo Biên lai

thu số 0007841 ngày 10/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà S đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nơi nhận:
- TAND TP.Cần Thơ;
- Viện kiểm sát ND H. Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS H. Cờ Đỏ;
- Đương sự;
- Lưu.

Võ Trung Hậu